TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H2 phúc**

Bản án số: **160**/2018/HS-PT
Ngày 25-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Trọng Danh
Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Long
Ông Phan Vĩnh Chuyển

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Kiều Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lựu - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2018 tại phường Hòa Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2018/TLPT-HS ngày 10/8/2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Trần Hải Q do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn T1 (Quậy),** sinh ngày 15/7/1992 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 01/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị M; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/5/2007 bị Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đưa vào Trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục 24 tháng theo Quyết định số 941/QĐ.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2017. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Văn T2,** sinh ngày 19/7/1993 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 104, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 08/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn M và bà Ngô Thị B; Tiền sự: Không

Tiền án:

- Ngày 21/3/2013, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 18 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo bản án số 37/HSST.

- Ngày 19/12/2015, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê tuyên phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 168/HSST. Đến tháng 5/2017 chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống.

Nhân thân: Ngày 21/4/2008, bị Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đưa vào Trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục 24 tháng theo Quyết định số 808/QĐ.

Bị cáo bị bắt giam ngày 30/6/2017. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Hải Q,** sinh ngày 01/5/1988 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ 35 cũ, phường F, quận G, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Con ông Trần Định và bà Nguyễn Thị N; Có vợ là Huỳnh Thị Thanh T và 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/11/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ theo bản án số 282/HSPT.

Bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có các bị cáo Đoàn Thanh S, Trần Văn Q, Nguyễn Đức T3, Huỳnh Đức H, Đặng Văn Đ nhưng không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 10 phút ngày 18/6/2017, Trần Văn T2 đến nhà của Nguyễn Văn T1 chơi. Tại đây T2 và T1 đã bàn bạc thống nhất với nhau để đi trộm cắp xe máy bán kiếm tiền tiêu xài, cả hai thống nhất là điều khiển xe chạy trên đường, phát hiện xe máy để sơ hở không khóa cổ thì T2 sẽ ngồi trên xe cảnh giới còn T1 vào dắt trộm xe. Sau đó, T2 điều khiển xe máy chở T1 đi tìm xe máy để trộm cắp. Khi đến khu vực gần đường ray xe lửa cách ga Lệ Trạch khoảng 100m thì cả hai phát hiện xe Sirius mang biển kiểm soát 92D1-190.88 đang dựng trước sân nhà anh Nguyễn Văn Linh không có người trông coi. Thấy vậy, T2 ở ngoài ngồi sẵn trên xe cảnh giới, còn T1 đi bộ vào trong sân dắt trộm xe ra ngoài đường. T1 ngồi lên xe Sirius 92D1-190.88 và T2 điều khiển xe chạy phía sau dùng chân để đẩy xe mà T1 đang ngồi trên, khi đến khu vực trồng hoa cúc thuộc thôn Dương Sơn, xã Hòa Châu thì T1 đem chiếc xe Sirius vừa trộm cắp được cất giấu ở bụi tre gần đó rồi cả hai về lại nhà của T1. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 19/6/2017, T2 chở T1 quay lại lấy xe Sirius đem đi tiêu thụ. Cả hai chạy đến cầu Trần Thị Lý phía bên quận Sơn Trà thì gặp người mua xe là một thanh niên (chưa rõ lai lịch) mà T2 đã thỏa thuận giá cả mua bán xe từ trước, bán chiếc xe với số tiền 2.000.000 đồng. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 8.000.000 đồng.

Đến ngày 30/6/2017, Cơ quan điều tra triệu tập Nguyễn Văn T1 và Trần Văn T2 đến làm việc thì cả hai đã thừa nhận hành vi phạm tội. Ngoài ra, T1 và T2 khai nhận còn cùng với Trần Văn Q, Đoàn Thanh S thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

Lần 1: Vào đêm ngày 31/7/2016, T1 cùng Trần Văn Q lấy trộm 1 chiếc Honda Wave BKS 47H1-178.42 của vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị Ánh T tại nhà nghỉ Hoa Lý thuộc phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ. Sau đó T1 đem bán cho Nguyễn Văn H với giá 1.900.000 đồng, tiền bán xe T1 và Q chia nhau tiêu xài. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 11.250.000 đồng.

Lần 2: Vào đêm ngày 02/6/2017, T1 và Q đã trộm cắp 01 xe mô tô yamaha Sirius BKS 81G1-016.46 của chị Nguyễn Thị Mỹ V để tại nhà trọ số 16 đường N, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu. Q bán cho anh Nguyễn Trần T được 5.000.000 đồng. Cả hai chia nhau tiêu xài hết. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 9.800.000 đồng.

Lần 3: Vào đêm ngày 10/6/2017, sau khi nhậu tại phòng trọ của Q, T1 rủ Trần Văn T2 đi trộm cắp xe mô tô, T2 đồng ý. T2 điều khiển xe mô tô Exciter chở T1 đi tìm xe trộm cắp. Khi đến nhà trọ số 47 đường Hà Huy Giáp, quận Hải Châu thì T1 phát hiện chiếc xe mô tô yamaha Sirius BKS 76Z1-2339 của anh Đậu Văn C dựng chỗ đường luồng trong nhà trọ không có ai trông coi nên T1 bảo T2 dừng xe lại để T1 vào dắt trộm xe. T2 ngồi trên xe Exciter cảnh giới còn T1 vào trong nhà trọ dắt xe 76Z1-2339 ra ngoài. T1 ngồi trên xe này còn T2 điều khiển xe Exciter chạy phía sau dùng chân đẩy xe vừa trộm được đem về phòng trọ của Q để cất giấu.

Lần 4: Vào khoảng 01h00’ ngày 11/6/2017, T2 điều khiển xe Exciter chở T1 đi trộm xe. Khi đến trước nhà trọ số 30 đường Lê Văn Đức, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu thì T1 phát hiện chiếc xe mô tô Yamaha Sirius 37B1-756.33 của anh Nguyễn Huy T dựng trước nhà trọ mà không có ai trông coi. T1 vào dắt trộm xe mô tô nói trên, còn T2 ở ngoài ngồi trên xe cảnh giới, lấy được xe T1 dắt ra ngoài ngồi trên xe, T2 điều khiển xe Exciter đẩy T1 về phòng trọ của Q để cất giấu, sau đó cả hai về nhà ngủ. Trưa cùng ngày, T1 và T2 quay lại chỗ phòng trọ của Q để đem xe trộm được đi bán, cụ thể:

- T1 và T2 bán chiếc 76Z1-2339 cho Huỳnh Đức H với giá 3.500.000 đồng. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 4.875.000 đồng.

- T1 và T2 bán chiếc 37B1-756.33 cho Trần Hải Q với giá 2.500.000 đồng. Q biết xe này là tài sản do người khác vi phạm mà có nhưng vẫn đồng ý mua vì ham rẻ. Đến ngày 30/6/2017, khi cơ quan CSĐT triệu tập đến làm việc thì Q đã đem xe đến giao nộp. Tuy nhiên biển số 37B1-756.33 đã cũ nên khi sử dụng xe Q đã làm rơi mất. Toàn bộ số tiền bán xe máy nêu trên thì Tim và T2 đã chia nhau tiêu xài hết. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 5.375.000 đồng.

Lần 5: Vào khoảng 02 giờ ngày 14/6/2017, sau khi nhậu trên đường Nguyễn Tất Thành xong, T1 cùng T2 và Đoàn Thanh S rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài. T2 điều khiển xe chở T1 còn S điều khiển xe Sirius (không rõ biển số) đi tìm xe mô tô trộm cắp. Cả ba chạy đến nhà trọ số 251 đường Huy Cận, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, lúc này T2 và S đứng ngoài cảnh giới còn T1 đi bộ vào trong nhà trọ để tìm xe mô tô dắt trộm, khi vào trong T1 thấy nhiều xe mô tô nhưng đa phần đều khóa cổ nên đi ra ngoài và nói với T2 và S tìm chỗ khác để trộm cắp. Sau khi nghe vậy thì T2 đi bộ vào trong nhà trọ, T1 cũng theo sau, T2 phát hiện một chiếc xe mô tô hiệu SYM Attila Elizabeth BKS 43C1-233.32 của chị Trịnh Thị N không khóa cổ nên T2 dắt trộm ra ngoài, T1 ngồi trên xe 43C1-233.32 để T2 điều khiển xe Exciter và S điều khiển xe Sirius chạy phía sau dùng chân để đẩy xe chạy đi. Cả ba đẩy xe vừa trộm cắp được về nhà T1 cất giấu. Do không tìm được chỗ bán xe nên T1 giữ xe này lại sử dụng, sau đó giao lại cho T2 sử dụng. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 11.812.500 đồng.

Lần 6: Vào đêm ngày 15/6/2017, sau khi nhậu trên đường Nguyễn Tất Thành xong thì T1 cùng với T2 và S rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài. T2 điều khiển chiếc Exciter màu xanh chở T1 còn S điều khiển xe Sirius màu trắng – đen đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đến nhà trọ tại số K58/27E Dũng Sỹ Thanh Khê, quận Thanh Khê thì cả ba phát hiện chiếc xe mô tô hiệu yamaha Exciter BKS 76U1-029.57 của anh Nguyễn Gia Hoàng T không có ai trông coi nên dừng xe lại. S và T1 ngồi trên xe cảnh giới cho T2 vào dắt trộm xe 76U1-029.57. Khi lấy trộm được xe mô tô nói trên, S dùng chìa khóa xe Exciter do T2 điều khiển để mở khóa và điều khiển xe 76U1-029.57, cả ba cùng chạy về nhà T1 cất giấu. Sau đó, T1 tháo biển số 76U1-029.57 gắn vào xe Attila Elizabeth và biển số 43C1-233.32 của xe Attila thì T1 gắn lại vào xe Exciter này. T1 liên lạc với Trần Hải Q để bán chiếc Exciter BKS 76U1-029.57 nhưng Q đã mua chiếc Sirius nên không mua nữa. Q biết Nguyễn Đức T3 đang có nhu cầu mua xe không giấy tờ nên giới thiệu cho T3 mua chiếc xe này, T3 đồng ý mua với giá 4.000.000 đồng rồi đem xe về sử dụng. Đến ngày 01/7/2017, T3 đã nhờ Q đem xe Exciter gắn biển số 43C1-233.32 đến giao nộp

cho Cơ quan điều tra, tiền bán xe thì T2, T1 và S đã chia nhau tiêu xài hết. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 23.400.000 đồng.

Lần thứ 7: Khoảng 22h00’ ngày 16/6/2017, T1 rủ T2 đi trộm xe thì T2 đồng ý. T2 điều khiển xe Atila 76U1-029.57 chở T1 đi tìm xe để trộm cắp. Khi đến kiệt 97/17 Cách mạng tháng 8, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ thì T1 phát hiện chiếc Yamaha Sirius BKS 78K1-092.20 của vợ chồng anh Cao Ngọc T và chị Đặng Thị T đang dựng trước nhà không có ai trông coi nên T1 nói T2 dừng xe lại. T2 ngồi trên xe Attila ở ngoài cảnh giới, T1 đi bộ lại chỗ xe 78K1-092.20 kiểm tra không có khóa cổ nên đã dắt trộm xe này ra ngoài đường. T1 ngồi trên xe vừa trộm được còn T2 điều khiển xe Attila chạy phía sau dùng chân đẩy xe T1 đang điều khiển chạy đi. T1 và T2 đem xe vừa trộm cắp được đến nhà nghỉ A trên đường Nguyễn Tất Thành để thuê phòng ngủ lại. Sáng hôm sau T1 và T2 đem chiếc xe 78K1-092.20 đi tìm chỗ bán nhưng không được. Sau đó, T1 và T2 đem chiếc xe máy nói trên về lại nhà nghỉ A, cả hai để xe mô tô 78K1-092.20 lại rồi lấy xe Attila để đi. S biết được T1 và T2 vẫn để xe 78K1-092.20 lại ở nhà nghỉ A chưa bán được nên S rủ Q cùng đem xe này đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì Q đồng ý. S và Q đến nhà nghỉ A lấy xe, xong thì Q có điện thoại cho Lê H2 nhờ tìm người mua xe. Lúc này H2 đang ngồi nhậu cùng với Phạm Phú H3 nên kể cho Hải nghe, thì H3 bảo H2 điện thoại cho Q nói đem xe đến cho H3 xem, nếu được thì H3 sẽ mua. Q và S đem xe mô tô 78K1-092.20 đến gần chỗ nhà H2 để bán xe, tại đây Q nói với Hải và H2 xe mô tô 78K1-092.20 là của người quen của Q bị mất giấy tờ nên nhờ Q bán giúp. H3 đồng ý mua xe với giá 2.500.000 đồng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau về việc mua bán chiếc xe này. Q và S nhận tiền xong thì giao xe mô tô 78K1-092.20 lại cho H3. Sau đó, S có nói việc bán xe trên cho T2 và T1 được biết, nhưng tiền bán xe đã tiêu xài hết và không chia lại cho T2 và T1. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 12.125.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã quyết định:

- Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 Quốc Hội; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn T1 05 (năm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” . Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 30/6/2017.

- Căn cứ điểm a, b, c, g khoản 2 Điều 173 BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 Quốc Hội; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Trần Văn T2 05 (năm) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" . Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 30/6/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323 BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 Quốc Hội; điểm b, s khoản 1Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt: Trần Hải Q 06 (sáu) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bản án còn quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo Đoàn Thanh S, Trần Văn Q, Nguyễn Đức T3, Huỳnh Đức H, Đặng Văn Đ nhưng các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị; phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 08/7/2018, bị cáo Trần Văn T2 có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được cứu xét để vụ án được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 10/7/2018, bị cáo Trần Hải Q có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 15/7/2018, bị cáo Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được cứu xét để vụ án được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T2 tự nguyện rút đơn kháng cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với bị cáo Trần Văn T2. Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Hải Q có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo thì thấy rằng Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức án 05 năm tù; xét xử bị cáo Trần Hải Q về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự với mức án 06 tháng tù là có căn cứ, phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ y án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T2 tự nguyện rút kháng cáo nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Văn T2.

Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Hải Q vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Hải Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định: Trong thời gian từ tháng 7/2016 đến tháng 6/2017, khi nghe bị cáo Nguyễn Văn T1 rủ rê đi trộm thì Trần Văn T2 cùng S, Q đồng ý. Các bị cáo đi trên đường tìm nơi có xe không người trông coi thì T2 vào giúp sức. Sau khi trộm được mỗi bị cáo đi một xe rồi đem bán lấy tiền tiêu xài chung. Qua đó bị cáo T1 08 lần thực hiện hành vi trộm cắp với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 86.637.500 đồng, thu lợi bất chính 8.783.000 đồng. Trần Văn T2 tham gia cùng T1 04 lần, T2 cùng T1 và S thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 65.587.500 đồng, thu lợi bất chính 5.333.000 đồng. Trần Hải Q biết xe máy Sirius 37B1-756.33 trị giá 5.375.000 đồng do phạm tội mà có nhưng vì ham rẻ nên vẫn mua để sử dụng, biết xe Exciter 76U1-029.57 trị giá 23.400.000 đồng do phạm tội mà có nhưng vẫn giới thiệu cho Nguyễn Đức T3 mua, giúp sức cho Nguyễn Đức T3 tiêu thụ xe máy. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; xét xử bị cáo Trần Hải Q về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1 thì thấy: Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe nhưng vì hám lợi và bản chất lười lao động, muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân một cách nhanh chóng nên đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn T1 là người cầm đầu, rủ rê các bị cáo khác. Bị cáo đã 08 lần thực hiện hành vi trộm cắp với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 86.637.500 đồng, thu lợi bất chính 8.783.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Do đó đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 cần xử lý nghiêm, cần thiết cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Trần Hải Q, bị cáo biết xe máy Sirius 37B1-756.33 trị giá 5.375.000 đồng do phạm tội mà có nhưng vì ham rẻ nên vẫn mua để sử dụng, biết xe Exciter 76U1-029.57 trị giá 23.400.000 đồng do phạm tội mà có nhưng vẫn giới thiệu cho Nguyễn Đức T3 mua, giúp sức cho Nguyễn Đức T3 tiêu thụ xe máy. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, đối với bị cáo cũng cần xử lý nghiêm.

Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định pháp luật, xử phạt Nguyễn Văn T1 mức án 05 năm tù về tội

"Trộm cắp tài sản" là nhẹ, xử phạt bị cáo Trần Hải Q về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" với mức án 06 tháng tù là phù hợp. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Hải Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Trần Văn T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo **Trần Văn T2**.

2. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Hải Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 Quốc Hội; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T1 05 (năm) năm tù** về tội "Trộm cắp tài sản" . Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 30/6/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323 BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 Quốc Hội; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt: **Trần Hải Q 06 (sáu) tháng** tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Hải Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trần Văn T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- CQCSĐT Công an huyện Hòa Vang;
- Toà án nhân dân huyện Hòa Vang;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Vụ GĐKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trọng Danh